

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo văn bản số /CV-FPT ngày /5/2022 của Công ty TNHH giáo dục FPT)

❖ Thông tin chung về dự án:

- *Tên dự án:* Đầu tư xây dựng Cơ sở giáo dục và đào tạo tại Khu đại học Nam Cao, tỉnh Hà Nam.

- *Tên nhà đầu tư dự án:* Công ty TNHH giáo dục FPT.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Giáo dục và Đào tạo, Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Km29 đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.6291.4068

Đại diện : Ông **Lê Trường Tùng**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

I. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

Dự án *Đầu tư xây dựng Cơ sở giáo dục và đào tạo tại Khu đại học Nam Cao, tỉnh Hà Nam* được thực hiện trên khu đất có diện tích 119.129,0 m² tại Phường Hoàng Đông và Phường Tiên Nội, Thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, ranh giới tiếp giáp cụ thể của dự án như sau:

- Phía Bắc giáp đường quy hoạch rộng 25m;

- Phía Nam giáp đường quy hoạch rộng 28m và khu đất Trường ĐH Xây dựng cơ sở Hà Nam;

- Phía Đông giáp đường quy hoạch 68m;

- Phía Tây giáp đường quy hoạch rộng 27m.

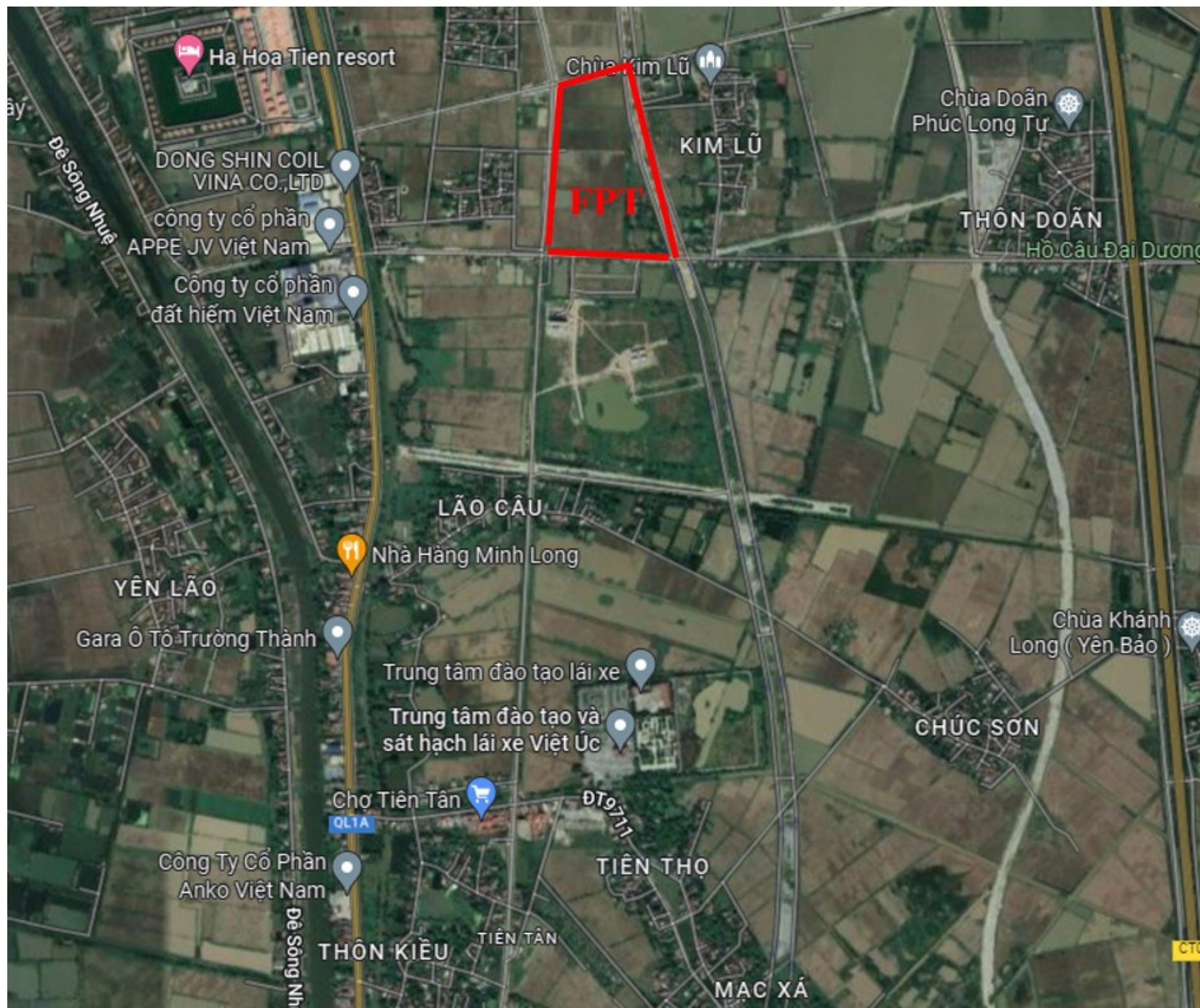
Tọa độ các điểm giới hạn vị trí khu đất thực hiện dự án theo hệ tọa độ VN2000 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng: Tọa độ các điểm giới hạn khu đất thực hiện dự án

TT	X (m)	Y (m)
1	2279740.0	597039.7
2	2279751.1	597049.0
3	2279788.3	597202.7
4	2279781.5	597212.5
5	2279765.0	597214.6
6	2279749.9	597216.7
7	2279734.7	597218.9
8	2279483.5	597278.7
9	2279469.0	597283.5
10	2279454.5	597288.5
11	2279440.1	597293.6
12	2279425.8	597298.8
13	2279411.6	597304.0
14	2279397.4	597309.3
15	2279383.2	597314.7

16	2279369.1	597320.0
17	2279355.1	597325.4
18	2279341.1	597330.8
19	2279287.0	597351.7
20	2279278.9	597345.9
21	2279287.7	597021.0
22	2279296.9	597012.6

Hình vẽ minh họa vị trí dự án như sau:



II. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

a. Tác động đến môi trường không khí

Các tác động đến môi trường không khí trong quá trình thực hiện dự án chủ yếu là từ quá trình san lấp mặt bằng, xây dựng các hạng mục công trình của dự án (giai đoạn xây dựng cơ bản) và các hoạt động của trường học như giảng dạy, sinh hoạt, thể dục thể thao,... khi dự án đi vào hoạt động.

b. Tác động đến môi trường nước, đất

Quá trình sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng và của hoạt động của dự án sẽ phát sinh một lượng lớn nước thải sinh hoạt. Lượng nước thải này nếu không được thu gom xử lý sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất, không khí và nguồn nước tiếp nhận (kênh, mương, ao hồ, mạng lưới thu gom nước mặt khu vực dự án).

Các loại chất thải khác từ quá trình xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào hoạt động như chất thải rắn, chất thải nguy hại nếu không được thu gom sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất, nước khu vực dự án và lân cận.

c. Tác động đến môi trường sinh thái và sức khỏe người dân

Quá trình xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh các loại chất thải như nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại,...

Các loại chất thải này nếu không được thu gom và xử lý triệt để sẽ là nguồn gây ô nhiễm đất, nước, không khí, là nơi phát sinh các mầm bệnh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân khu vực dự án và lân cận.

Khi dự án đi vào hoạt động, trong mặt bằng thực hiện dự án sẽ bố trí diện tích cây xanh phù hợp, cảnh quan khu vực thực hiện dự án và lân cận sẽ được cải thiện đáng kể. Môi trường giáo dục được thiết kế khoa học, nhiều không gian xanh, sạch và văn minh sẽ tạo diện mạo mới cho cảnh quan khu vực.

2.2. Quy mô, tính chất của các loại chất thải phát sinh từ dự án

a. Quy mô, tính chất của nước thải và vùng có thể bị tác động do nước thải

- Giai đoạn xây dựng cơ bản: Khối lượng phát sinh khoảng 6,30 m³/ngày.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Khối lượng phát sinh khoảng 339,7 m³/ngày.

- Tính chất: Là loại nước chứa đựng rất nhiều thành phần gây ô nhiễm: cặn bẩn, dầu mỡ, các chất hữu cơ khó phân huỷ sinh học, các loại vi sinh vật gây bệnh. Thành phần cần xử lý trong nước thải sinh hoạt là thành phần hữu cơ, cặn lơ lửng và vi sinh vật.

- Vùng bị ảnh hưởng: Các kênh, mương tiếp nhận nước thải trong khu vực dự án và lân cận.

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải và vùng có thể bị tác động do bụi, khí thải

Bụi từ quá trình san lấp mặt bằng, xây dựng các hạng mục công trình của dự án (giai đoạn xây dựng cơ bản) và các hoạt động của trường học như giảng dạy, sinh hoạt, thể dục thể thao,... khi dự án đi vào hoạt động.

Các loại bụi phát sinh từ hoạt động của dự án chủ yếu là bụi đường (nặng, tro, khó phát tán đi xa). Bụi và khí thải do đốt cháy nhiên liệu (bụi, SO₂, CO, NO_x) là loại phát tán trong không gian và thời gian rộng, không liên tục.

Đối tượng chịu tác động chính là công nhân xây dựng dự án và người dân khu vực. Ngoài ra còn có người dân và cây cối 2 bên tuyến đường vận chuyển.

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

❖ *Chất thải rắn sinh hoạt*

- Giai đoạn xây dựng cơ bản: Khối lượng phát sinh khoảng 45 kg/ngày.
- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Khối lượng phát sinh khoảng 5296,46kg/ngày.

- Tính chất: Loại chất thải này có thành phần chính gồm các chất hữu cơ (chiếm khoảng 70%), giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng,... nếu không được thu gom xử lý thích hợp sẽ ảnh hưởng xấu tới môi trường sống, gây mất mỹ quan khu vực. Rác thải hữu cơ khi phân huỷ sinh ra mùi hôi, rác thải sinh hoạt là môi trường sống và phát triển của các loài ruồi muỗi, chuột bọ và vi khuẩn gây bệnh.

- Vùng bị ảnh hưởng: Môi trường không khí, cảnh quan khu vực dự án và lân cận.

❖ *Chất thải rắn xây dựng*

- Khối lượng phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản ước tính khoảng 1.741,22 tấn/quá trình.

- Tính chất: Thành phần chính gồm vỏ bao xi măng, đầu mẩu gỗ cốp pha, cốt ép, đất đá, cát sỏi rơi vãi. Lượng rác thải rắn xây dựng chủ yếu là chất trơ, cứng khó phân huỷ nên ít ảnh hưởng đến môi trường.

- Vùng có thể bị tác động: môi trường đất, nước khu vực dự án và lân cận.

d. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng cơ bản: Khối lượng phát sinh 1.223,47 kg/năm.
- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động: Khối lượng khoảng 512 kg/năm.
- Tính chất: Là loại chất thải chứa nhiều thành phần khó phân huỷ, nguy hại cho môi trường và sức khỏe con người.

2.3. Các tác động môi trường khác

- Tác động đến tâm lý, sinh kế của người dân bị mất đất canh tác.
- Tạo môi trường, cảnh quan mang tính giáo dục, sạch, đẹp, văn minh.
- Góp phần cụ thể hóa quy hoạch Khu đại học Nam Cao đã được phê duyệt.

III. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

a. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải

❖ *Giai đoạn xây dựng cơ bản*

- Nước thải sinh hoạt:

+ Sử dụng nhà vệ sinh di động dạng container (01 container 20 feet có 4 phòng), có bể tự hoại bằng composite đúc sẵn để quản lý và thu gom lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

+ Định kỳ 3 lần/tuần sẽ thuê đơn vị chuyên trách đến thu gom và mang các loại chất thải của nhà vệ sinh di động đi xử lý theo quy định.

- Nước thải thi công và rửa xe:

Nước thải được thu gom và xử lý như sau:

Nước thải → Hố ga thu gom → Bể lắng và tách váng dầu (có xơ bông thấm dầu) → Bể chứa tái sử dụng.

Nước thải sau xử lý được tận dụng phun rửa xe, tưới ẩm đập bụi mà không xả ra ngoài môi trường.

Hố ga thu gom: kích thước rộng x dài x cao = 1,1 x 1,1 x 0,8 (m).

Bể xử lý: kích thước rộng x dài x cao = (1,2m x 3ngăn) x 1m x 1,5m, dung tích bể 5,4m³, váng dầu sẽ được loại bỏ bằng xơ bông thấm dầu chuyên dụng tại ngăn lắng số 1.

Bể chứa nước tái sử dụng: kích thước rộng x dài x cao = 5,0 x 3,0 x 1,5 (m).

❖ *Giai đoạn dự án đi vào hoạt động*

Theo quy hoạch nước thải của khu vực dự án và các khu vực xung quanh sẽ được thu gom và dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý. Tuy nhiên hiện nay trạm XLNT tập trung chưa được thi công xây dựng nên giải pháp xử lý nước thải của dự án được đề xuất như sau:

- Giai đoạn trước mắt: khi trạm XLNT tập trung của khu vực chưa được thi công xây dựng, toàn bộ nước thải của dự án sẽ được thu gom và xử lý tại trạm XLNT của dự án có công suất 450m³/ngày.đêm.

- Giai đoạn sau: khi trạm XLNT tập trung của khu vực được xây dựng và đi vào hoạt động, nước thải của dự án sẽ được thu gom, dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn

❖ *Giai đoạn xây dựng cơ bản*

- Thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng:

Chất thải rắn xây dựng của dự án được phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý CTRXD theo Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về ban hành quy định quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Chất thải rắn có thể được tái chế sử dụng ngay trên công trường hoặc tái sử dụng ở các công trường xây dựng khác: gạch vỡ, vữa, bê tông thừa sử dụng làm vật liệu san nền ngay tại công trường.

Chất thải rắn không tái chế, tái sử dụng được phải đem chôn lấp theo quy trình quy định.

Phế liệu xây dựng sẽ được tập trung riêng biệt tại các bãi chứa quy định trên công trường trước khi được công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Hà Nam mang đi xử lý.

Bố trí 04 thùng dung tích 120 lít/thùng để lưu giữ CTR xây dựng, các thùng chứa được đặt trong nhà lưu giữ chất thải rắn xây dựng ở cạnh khu lưu giữ tạm thời CTNH, khu vực lưu giữ là dạng nhà container 10 feet.

- Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia xây dựng dự án:

Các loại chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường được thu gom chứa vào các thùng chứa rác. Đơn vị thi công bố trí 02 thùng đựng rác dung tích 120 lít/thùng chứa rác thải sinh hoạt. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và mang đi xử lý (vào cuối giờ chiều hàng ngày).

❖ *Giai đoạn dự án đi vào hoạt động*

- Áp dụng đồng thời giáo dục học sinh của trường thực hiện phân loại rác tại nguồn. Bố trí các thùng rác trong khuôn viên trường để thu gom rác thải phát sinh.

- Hàng ngày bộ phận lao công của trường sẽ thu gom rác từ các thùng rác ở các khu vực khác nhau trong khuôn viên trường tập trung về nhà chứa rác.

- Dự án bố trí nhà chứa rác (dự kiến đặt cạnh trạm XLNT) để phân loại lưu giữ rác. Nhà chứa rác được thiết kế có tường bao, mái che, nền chống thấm, rác tại kho được chứa trong bọc hoặc thùng kín tránh nguy cơ rò rỉ, rơi vãi.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo quy định, tần suất thu gom dự kiến 02 ngày/lần.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

❖ *Giai đoạn xây dựng cơ bản*

Chất thải nguy hại từ quá trình thi công xây dựng bao gồm dầu mỡ thải, vỏ hộp sơn, cặn sơn, bóng đèn hỏng, vỏ can, thùng dính dầu mỡ, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, đầu mẫu que hàn,... sẽ được phân loại, thu gom vào 05 thùng chứa chuyên dụng, dung tích 50 lít/thùng có nắp đậy, CTNH sau đó được chứa vào nhà container (container 10feet) được bố trí trên công trường. Chất thải nguy hại này sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có tư cách pháp nhân đưa đi xử lý.

❖ *Giai đoạn dự án đi vào hoạt động*

CTNH được thu gom vào các thùng chứa riêng, có dán nhãn đặt trong kho lưu giữ CTNH.

Khu vực lưu giữ CTNH đặt gần nhà kho chứa rác của dự án. Kho chứa CTNH được lắp đặt cửa ra vào, có khóa và có biển báo, nền nhà kho láng xi măng và có bố trí rãnh xung quanh kho để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng bị rò rỉ. Chất thải nguy hại dạng lỏng có thể rò rỉ được thu lại một hố hình trụ.

CTNH được thu gom và lưu giữ trong các thùng HDPE dùng tích 40 - 100 lít/thùng. Dự án sẽ bố trí 7-10 thùng chứa các CTNH phát sinh. Thùng có dán nhãn

CTNH bên ngoài thùng với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu, ký hiệu CTNH với từng loại.

Định kỳ 06 tháng đến 01 năm thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

Lập báo cáo CTNH gửi cơ quan quản lý nhà nước định kỳ 1 năm/lần.

d. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

❖ *Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn xây dựng*

- Không hoạt động vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông.

- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu phải có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công. Các thiết bị đều lắp ống giảm thanh.

- Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.

- Sử dụng các loại xe được đăng kiểm theo quy định.

❖ *Giảm thiểu nguy cơ dịch bệnh và các vấn đề xã hội*

- Thường xuyên dọn vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh khu vực.

- Tiến hành phối hợp với trung tâm y tế địa phương có biện pháp phòng chống các loại bệnh thường gặp như sốt rét, cảm sốt thông thường, tiêu chảy,...

- Kết hợp với cơ quan y tế địa phương để có kế hoạch định kỳ khám sức khỏe đối với các cán bộ, công nhân trong công trường, phun các loại thuốc phòng dịch bệnh, lập tủ thuốc lưu động trên công trường.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn để triển khai thực hiện xây dựng dự án (thực hiện khai báo tạm vắng tạm trú với địa phương theo đúng quy định của pháp luật).

- Tuyên truyền, phổ biến các phong tục, tập quán của người dân địa phương, các quy định của địa phương đối với công nhân xây dựng và người mới đến để tránh các xung đột về văn hóa.

3.2. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án như sau:

Bảng: Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

TT	Công trình bảo vệ môi trường
1	Trạm XLNT
2	Nhà kho chứa rác
3	Thùng chứa rác thải nguy hại
4	Kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại
5	Hệ thống thu gom và thoát nước thải
6	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa
7	Hệ thống cây xanh
8	Các biện pháp khác

IV. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

a. Nội dung và yêu cầu chương trình giám sát môi trường

- Giám sát chất thải: Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Giám sát tác động: Giám sát chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án và lân cận.

b. Tần suất và thông số giám sát

❖ Giai đoạn xây dựng cơ bản

Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại như sau:

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Cách thức xử lý chất thải (thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý).

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

- Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Các vấn đề cần giám sát:

+ Số lượng phát sinh (kg/tháng), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.

+ Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.

+ Cách thức xử lý chất thải (thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý).

- Tần suất giám sát: Thường xuyên

- Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải như sau:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao.

+ Có nhật ký vận hành đầy đủ của hệ thống để kịp thời phát hiện nguyên nhân khi xảy ra sự cố.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.

+ Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

- *Đối với bể tự hoại:*

+ Các hộ trong dự án sẽ thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố (tắc nghẽn bồn cầu, tắc nghẽn đường ống thoát khí của bể có thể xảy ra).

+ Bổ sung chế phẩm vi sinh định kỳ 6 tháng/lần vào bể tự hoại.

- *Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:*

+ Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

V. Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022-2025

5.2. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến

- Tổng vốn đầu tư dự án: 470.454.000.000 đồng.

- Nguồn vốn đầu tư:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 188.000.000.000 đồng.

+ Vốn huy động: 282.454.000.000 đồng.

5.3. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm

5.4. Các hạng mục công trình của dự án

Tổng diện tích khu đất dự án 119.129,0 m² được quy hoạch thành các phân khu như sau:

- *Khu nhà học:* Tổng diện tích khoảng 45.770,8m², chiếm tỷ lệ 38,4%, trong đó:

+ Khối nhà Alpha: Tổng diện tích khoảng 15.377,1m², chiếm tỷ lệ 12,9%, ô đất có ký hiệu (KH-01);

+ Khối nhà Beta, khối nhà Gamma và nhà bảo vệ: Tổng diện tích khoảng 15.936,6m², chiếm tỷ lệ 13,4%, ô đất có ký hiệu (KH-02);

+ Khối nhà Delta, khối nhà Epsilon và nhà bảo vệ: Tổng diện tích khoảng 14.457,1m², chiếm tỷ lệ 12,1%, ô đất có ký hiệu (KH-03);

- *Khu nhà thi đấu Vovinam và sân TDTT:* Tổng diện tích khoảng 14.542,3m², chiếm tỷ lệ 12,2%, ô đất có ký hiệu (TDTT);

- *Nhà dịch vụ:* Tổng diện tích khoảng 7.994,5m², chiếm tỷ lệ 6,7%, ô đất có ký hiệu (DV-01, DV-02);

- *Ký túc xá:* Tổng diện tích khoảng 14.410,3m², chiếm tỷ lệ 3,6%, ô đất có ký hiệu (KTX).

- *Nhà công vụ:* Tổng diện tích khoảng 2.268,1m², chiếm tỷ lệ 3,1%, ô đất có ký hiệu (NCV).

- *Nhà kỹ thuật*: Tổng diện tích khoảng 962,0m², chiếm tỷ lệ 12,1%, ô đất có ký hiệu (HTKT).

- *Đất cây xanh*: Tổng diện tích khoảng 2.944,6m², chiếm tỷ lệ 1,9%, ô đất có ký hiệu (CX).

- *Nhà để xe*: Tổng diện tích khoảng 11.224,5m², chiếm tỷ lệ 0,8%, ô đất có ký hiệu (P1, P2).

- *Giao thông*: Tổng diện tích khoảng 19.011,9m², chiếm tỷ lệ 15,9%. (bao gồm giao thông cơ giới và giao thông nội bộ)

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ %
1	Khu nhà học	45.770,8	38,4
2	Khu nhà thi đấu Vovinam và sân TDTT	14.542,3	12,2
3	Nhà dịch vụ	7.994,5	6,7
4	Ký túc xá	14.410,3	12,1
5	Nhà công vụ	2.268,1	1,9
6	Nhà kỹ thuật	962,0	0,8
7	Đất cây xanh	2.944,6	2,5
8	Nhà để xe	11.224,5	9,4
9	Giao thông	19.011,9	16,0
	Tổng	119.129,0	100,0

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Tầng cao (tầng)
1	Khu nhà học		45.770,8	5
<i>a</i>	<i>Khối nhà Alpha</i>	<i>KH-01</i>	<i>15.377,1</i>	<i>5</i>
<i>b</i>	<i>Khối nhà Beta</i>	<i>KH-02</i>	<i>15.936,6</i>	<i>5</i>
	<i>Khối nhà Gamma</i>			<i>1</i>
	<i>Nhà bảo vệ</i>			<i>1</i>
<i>c</i>	<i>Khối nhà Delta</i>	<i>KH-03</i>	<i>14.457,1</i>	<i>5</i>
	<i>Khối nhà Epsilon</i>			<i>1</i>
	<i>Nhà bảo vệ</i>			<i>1</i>
2	Khu nhà thi đấu Vovinam và sân TDTT	TDTT	14.542,3	1
3	Nhà dịch vụ		7.994,5	3
	<i>Nhà dịch vụ</i>	<i>DV-01</i>	<i>4.287,6</i>	<i>3</i>
	<i>Nhà dịch vụ</i>	<i>DV-02</i>	<i>3.706,9</i>	<i>3</i>
4	Ký túc xá	KTX	14.410,3	2
5	Nhà công vụ	NCV	2.268,1	3,5
6	Nhà kỹ thuật	HTKT	962,0	1
7	Đất cây xanh	CX	2.944,6	
8	Nhà để xe		11.224,5	1
	<i>Nhà để xe</i>	<i>P1</i>	<i>6.351,0</i>	<i>1</i>
	<i>Nhà để xe</i>	<i>P2</i>	<i>4.873,5</i>	<i>1</i>

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m²)	Tầng cao (tầng)
	<i>Nhà bảo vệ</i>			<i>1</i>
9	Giao thông		19.011,9	
	Giao thông nội bộ (<i>khu vực đất biên tên trường</i>)		6.066,4	
	Giao thông		12.945,5	
	Tổng		119.129,0	1-5